

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 11 - 2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Phú và Bà Trần Thị Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022, về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị H, sinh năm 1992; nơi cư trú: thôn B, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Hồ Văn P, sinh năm 1987; trú tại: thôn B, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, chị Trịnh Thị H trình bày:

Chị và anh Hồ Văn P kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 11 tháng 12 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh P ham chơi, rượu chè, nợ nần, đánh đập Chị, không quan tâm đến gia đình. Vì không sống chung được nữa nên Chị đã về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Hồ

Văn P.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng 02 con chung là cháu Hồ Trịnh Đông Ph, sinh ngày 14 tháng 5 năm 2016 và cháu Hồ Bảo L, sinh ngày 15/5/2017; nguyện vọng của chị sau khi ly hôn là được nuôi con; không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định có một số tài sản chung nhưng đề vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị H không có yêu cầu gì khác.

Đối với anh Hồ Văn P:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập để anh P tham gia tố tụng nhưng anh P không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành xác minh, kết quả xác minh như sau:

Tại Công an xã Quảng Trung, thị xã Ba Đồn xác định “Anh Hồ Văn P, sinh năm 1987, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã Q, hồ sơ hộ khẩu số 19075084735, chủ hộ là Hồ Văn P. Hiện nay anh Hồ Văn P đang có mặt, làm ăn, sinh sống tại địa phương.

Tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Trung, thị xã Ba Đồn xác định: “Anh Hồ Văn P hiện đang sinh sống tại thôn B, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Ủy ban nhân dân xã Q đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập các lần đến hòa giải tại Tòa án. Sau khi nhận được các văn bản, cán bộ liên lạc đã trực tiếp mang các văn bản đến và giao cho anh P đầy đủ, lý do anh P không đến thì Ủy ban nhân dân xã không rõ”.

Ngày 15/7/2022, Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập đương sự đến phiên tòa vào ngày 11/10/2022, anh P có đơn xin hoãn phiên tòa nên Tòa án đã hoãn phiên tòa. Tòa án mở phiên tòa lần hai, tiếp tục triệu tập anh P đến tham gia phiên tòa vào ngày 07/11/2022, các lần mở phiên tòa đã được Tòa án triệu tập và niêm yết hợp lệ, tuy nhiên anh P vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình không có gì sai phạm, bị đơn không chấp hành việc thông báo, triệu tập của Tòa án, gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, xét xử vắng mặt anh Hồ Văn P.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Trịnh Thị H. Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình giao con chung là

cháu Hồ Thị Đông Ph, sinh ngày 14 tháng 5 năm 2016 và cháu Hồ Bảo L, sinh ngày 15/5/2017 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, cam đoan đủ điều kiện nuôi con nên không xem xét; đối với tài sản chung, nợ chung: chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Trịnh Thị H có đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Hồ Văn P, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn anh Hồ Văn P có nơi cư trú tại thôn B, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn đã thực hiện thủ tục tổng đạt cho anh Hồ Văn P, gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập. Tuy nhiên anh P vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh P là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của chị Trịnh Thị H:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị H và anh Hồ Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người được xác định là hoàn toàn hợp pháp theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Quá trình thủ tục hòa giải và chuẩn bị xét xử, chị H thừa nhận cuộc sống chung trong thời kỳ hôn nhân xảy ra nhiều mâu thuẫn, do anh P ham chơi, rượu chè, đánh đập chị, không quan tâm đến gia đình, vì không sống chung được nữa nên Chị đã về nhà bố mẹ để sinh sống, hai bên ly thân nhau; xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Hồ Văn P. Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn với anh P.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh P bắt nguồn từ việc vợ chồng chung sống nhưng không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn. Chứng tỏ cuộc sống hôn nhân của chị H và anh P không còn hạnh phúc, không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, anh Hồ Văn P vắng mặt, không thể hiện có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Thị H, không có bất cứ

động thái hay biện pháp nào để níu kéo, cứu vãn cuộc hôn nhân này. Hội đồng xét xử xét thấy cần cho ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, xét cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị H.

[2.2] Về con chung: Chị H xác định, quá trình chung sống sau kết hôn giữa Chị và anh P có 02 con chung là cháu Hồ Trịnh Đông Ph, sinh ngày 14 tháng 5 năm 2016 và cháu Hồ Bảo L, sinh ngày 15/5/2017. Nếu vợ chồng ly hôn, chị H có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, anh P vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có quan điểm hay yêu cầu gì về nuôi con; mặt khác, cháu Ph và cháu L còn nhỏ, cần sự chăm sóc trực tiếp từ người mẹ, để cho các cháu có cuộc sống ổn định, phát triển bình thường về tâm sinh lý. Do vậy, cần giao cháu Ph và cháu L cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh P cấp dưỡng nuôi con chung, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận, không xem xét thêm.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trịnh Thị H phải chịu phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Điều 8; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về “mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt anh Hồ Văn P.
2. Về quan hệ hôn nhân: chị Trịnh Thị H được ly hôn với anh Hồ Văn P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 74/2014, ngày 11/12/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Trung, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình không còn giá trị pháp lý khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Hồ Trịnh Đông Ph, sinh ngày 14 tháng 5 năm 2016 và cháu Hồ Bảo L, sinh ngày 15/5/2017 cho chị Trịnh Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Hồ Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh P có quyền qua lại thăm con; chị H và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh P trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết Anh, Chị có thể xin thay đổi việc nuôi con hoặc góp phần phí tổn nuôi con sau này.

Nếu anh P lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh P.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Trịnh Thị H chịu trách nhiệm nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003430 ngày 08 tháng 8 năm 2022; chị Trịnh Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (07/11/2022), bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- UBND xã Quảng Trung
(NĐKKH: 11/12/2014);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Phan Anh Đức

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thắng Đoàn Thị Thái

Phan Anh Đức

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Hòa Hoàng Công Nghĩa Phan Anh Đức